

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2020 về việc ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Hoàng Đức M**, sinh năm 1969.

HKTT: Thôn A, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1973 (tên khác Lê Thị Hồng L).

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L và anh M (anh M có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, anh M trình bày: Anh và chị Lê Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/1991 tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ năm 2008, chị L đi lao động tại Đài Loan đến nay không về, mặc dù anh đã nhiều lần khuyên bảo động viên nhưng không thành dẫn đến hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn

giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, giữa vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh và chị L đã ly thân nhau nhiều năm. Anh M nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị L để hai bên ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị L có 03 con chung là Hoàng Thị Lê Q, sinh năm 1992; Hoàng Thị Minh N, sinh năm 1996 và Hoàng Thị Thanh T, sinh ngày 27/10/2004. Chị Q và chị N hiện nay đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Hoàng Thị Thanh T hiện nay đang ở với anh M. Khi ly hôn anh M đề nghị được nuôi cháu T và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Lê Văn S là bố của chị Lê Thị L. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2020 và 14/5/2020, ông Sủng trình bày: Anh M và chị L kết hôn từ năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Trong thời gian anh M và chị L sống với nhau thì không có mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh M và chị L phát sinh từ chị L đi lao động tại Đài Loan. Nguyên nhân, do chị L đi lao động vất vả tại nước ngoài mà anh M không động viên chia sẻ, do đó tình cảm vợ chồng dần không còn. Bản thân ông cũng khuyên anh M và chị L để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Chị L đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi và chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay anh M làm đơn xin ly hôn chị hoàn toàn đồng ý. Về con chung thì anh M và chị L có 03 con chung là Hoàng Thị Lê Q, sinh năm 1992; Hoàng Thị Minh N, sinh năm 1996 và Hoàng Thị Thanh T, sinh ngày 27/10/2004. Khi ly hôn anh M có nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng Thị Thanh Trúc và không yêu cầu cấp dưỡng, thì chị L hoàn toàn đồng ý. Do chị L không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Ông chỉ liên lạc với chị L khi chị L điện thoại về.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 1277/QLXNC-P5 ngày 03/02/2020 thể hiện: Chị Lê Thị L (tên gọi khác Lê Thị Hồng L), sinh ngày 03/9/1973 tại Hải Dương, CMND số: 141605737, khai địa chỉ thường trú tại: Xuân Áng, Thanh Hà, Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp lần lượt 02 hộ chiếu; có thông tin xuất cảnh nhiều lần, lần cuối cùng xuất cảnh ngày 24/9/2008 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B246219, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Đức M và bị đơn chị Lê Thị L đều vắng mặt (anh M có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xử cho anh Hoàng Đức M ly hôn chị Lê Thị L; Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Thanh Trúc, sinh ngày 27/10/2004 cho anh Hoàng Đức M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Đức M không yêu cầu chị Lê Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về án phí: Anh Hoàng Đức M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Anh Hoàng Đức M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa anh và chị Lê Thị L. Chị L hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Do đó, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn có tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đức M và chị Lê Thị L được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2008 đến nay, chị L đang lao động tại Đài Loan chưa về, còn anh M ở Việt Nam nuôi 03 con. Giữa anh

chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh M và chị L là trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Anh M và chị L có 03 con chung là Hoàng Thị Lê Q, sinh năm 1992; Hoàng Thị Minh N, sinh năm 1996 và Hoàng Thị Thanh T, sinh ngày 27/10/2004. Hiện nay con chung là Q và N đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết. Anh M xin được nuôi cháu T và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bản thân cháu T có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, cháu Trúc do anh M chăm sóc từ nhỏ đến nay, cháu phát triển bình thường, cháu Trúc có nguyện vọng ở với bố, do đó giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, anh M không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh M nên chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Anh M và chị L không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Hoàng Đức M ly hôn chị Lê Thị L (tên khác Lê Thị Hồng L).

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Thanh T, sinh ngày 27/10/2004 cho anh Hoàng Đức M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Đức M không yêu cầu chị Lê Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Anh Hoàng Đức M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ anh M đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0009647 ngày 09/12/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Anh M đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Đức M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã X, huyện H.
- Các đơn vị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn